

BÌNH ĐẲNG GIỚI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

LÊ THỊ QUÝ*

1. Quan niệm về bình đẳng giới

Quan niệm về *bình đẳng giới thực chất* lần đầu tiên vào ngày 3/9/1981 được đề cập đến từ *Công ước về Xóa bỏ tất cả các hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ* (The Convention on the Elimination of All Forms of Discrimination Against Women - CEDAW). Nhà nước Việt Nam phê chuẩn Công ước chỉ 2 tháng sau khi Công ước có hiệu lực. Đây là Văn kiện quốc tế sâu sắc nhất về quyền con người của phụ nữ cho đến nay. Linh hồn của Công ước được xây dựng trên cơ sở các mục tiêu của Liên Hợp Quốc nhằm bảo đảm nhân cách, phẩm giá và các quyền cơ bản của con người, cũng như quyền bình đẳng giữa phụ nữ và nam giới. Trong phần **Mở đầu**, Công ước thừa nhận rằng: “Sự phân biệt đối xử với phụ nữ vẫn còn tồn tại ở rất nhiều nơi”.

Ở Việt Nam, nhiều người cho rằng, bình đẳng giới là “đủ” rồi, không cần phải cố gắng nữa. Tuy nhiên, căn cứ vào các tiêu chuẩn của CEDAW và các chứng cứ khoa học, thì Việt Nam mới đang ở mức trung bình về chỉ số bình đẳng giới. Thực tế cuộc sống ở Việt Nam cho thấy, *có sự khác biệt về bình đẳng giới thực chất và bình đẳng giới hình thức*.

2. Bình đẳng giới ở Việt Nam: Những thành tựu và thách thức

a. Quá trình phát triển nhận thức giới ở Việt Nam

Trước khi Nho giáo vào Việt Nam, dân tộc Việt sống rất khoáng đạt trong không khí bình đẳng. Những bằng chứng về lịch sử, văn hoá, lối sống của dân tộc Việt Nam đã phản ánh truyền thống tôn trọng phụ nữ là những người có công lớn trong xã hội và gia đình. Truyền thống đó được biểu hiện từ những nghi lễ thờ mẫu và các nghi lễ thờ cúng, mà trong đó không phân biệt thần nam với thần nữ. Truyền thống đó còn được biểu hiện cao nhất là việc làm vua của Hai Bà Trưng, làm lãnh tụ khởi nghĩa của bà Triệu, làm tướng của các bà Thánh Thiên công chúa, Lê Chân, Bát Nàn công chúa, làm Đô đốc của bà Bùi Thị Xuân và sau này là Tổng Tư lệnh của các lực lượng vũ trang miền Nam Việt Nam Nguyễn Thị Định. Truyền thống tôn trọng phụ nữ còn được thể hiện trong cả hai dòng văn học dân gian và bác học đã tồn tại hàng thế kỷ ở nước ta và trong ngôn ngữ: “Vợ, chồng” (trong đó, từ “vợ” đứng trước từ “chồng”) hoặc như trong câu ca dao, tục ngữ: “Lệnh ông không bằng cồng bà”; “Thuận vợ, thuận chồng, tát biển Đông cũng cạn”; “Đàn bà “tay hòm, chìa khóa”, hoặc về chữ “trinh” của phụ nữ: “Gió đưa cành trúc ngã quỳ; Ba năm trực tiết còn gì là xuân”...

* GS.TS. Viện Nghiên cứu Giới và Phát triển.

Khi Nho giáo vào nước ta, với tư tưởng áp bức của chủ nghĩa phụ quyền, Nho giáo đã đưa những luật tục hà khắc là *Tam tòng, tứ đức* để ép buộc phụ nữ xuống hàng lệ thuộc nam giới, thậm chí xuống hàng nô lệ. Từ hệ tư tưởng tới luật pháp, chính sách quốc gia và sau cùng là phong tục tập quán, Nho giáo đã thiết lập một mạng lưới hoàn hảo từ trung ương đến địa phương, hoàn thành mục tiêu của họ trong việc áp đặt lối sống trọng nam khinh nữ, bắt bình đẳng vào một số xã hội, trong đó có Việt Nam. Tuy nhiên, trong thực tế cuộc sống ở một số nơi, ở cấp làng, xã, nơi đông đảo những người nông dân sinh sống, thì không khí hèn nhún trong quan hệ nam nữ vẫn tồn tại và được phản ánh trong những bức tranh, như tranh *hứng dừa*, tranh dân gian Đông Hồ, các bài dân ca của các miền.

Tư tưởng bình đẳng giới của C.Mác, V.I. Lênin là tư tưởng chủ đạo ở Việt Nam thời kỳ cận và hiện đại đã đề xướng và ủng hộ bình đẳng giới. Trong *Luận cương Chính trị* năm 1930 đã khẳng định rõ 3 nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam là: *Giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng phụ nữ*. Ba nhiệm vụ đó đã được tiến hành cùng một lúc và hỗ trợ cho nhau trong cuộc đấu tranh chung. Phụ nữ đã tham gia cách mạng với tư cách là một lực lượng và có nhiều đóng góp quan trọng cho thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công. Năm 1946, Hiến pháp đầu tiên của Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã tuyên bố: "Nam nữ bình đẳng trên mọi phương diện" và xoá bỏ mọi hủ tục khắt khe đối với phụ nữ. Điều đó đã tạo ra sự đổi thay lớn lao trong nhận thức về bình đẳng giới. Quan điểm tôn trọng phụ

nữ đã và đang từng bước đi vào đời sống xã hội và tạo lập một lối sống mới về sự bình đẳng giữa người với người. Bình đẳng giới vẫn đang là một mục tiêu lớn của Chính phủ Việt Nam. Đó là sự tiếp nối trung thành và có hiệu quả những mục tiêu ban đầu của cách mạng Việt Nam, phù hợp với quan điểm về văn minh và phát triển hiện nay của thế giới. Sự thay đổi to lớn nhất là thay đổi thân phận, địa vị của người phụ nữ. Phụ nữ ngày nay đã cả kinh tế độc lập, được tham gia và thừa nhận trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học, gia đình, thậm chí ở nhiều nơi, họ còn đứng ở vị trí lãnh đạo cao cấp. Đây là những biểu hiện của bình đẳng giới thực chất ở Việt Nam.

b. Luật pháp và chính sách về bình đẳng giới

Có thể nói, CEDAW vào Việt Nam không gặp nhiều trở ngại lớn. Bởi lẽ vấn đề bình đẳng giới không phải là vấn đề hoàn toàn mới mẻ đối với Việt Nam. Nói một cách khác, Việt Nam có sẵn cơ sở kinh tế - xã hội thuận lợi cho việc tiếp nhận CEDAW. Mặc dù vẫn là một trong những nước nghèo trên thế giới, nhưng từ năm 1995 đến năm năm 2009, Việt Nam đã được Liên Hợp Quốc xếp hàng các nước có Chỉ số giới (GDI) trung bình. Chẳng hạn, năm 1995, Việt Nam đứng thứ 72/130 nước; đến năm 1997, đứng thứ 91/143 với chỉ số là 0,662. Năm 2004, trong số 177 nước được điều tra theo Chỉ số GDI, thì Việt Nam ở vị trí 87 với chỉ số 0,689 (NDP, 2005). Năm 2005, Việt Nam ở vị trí 83 với chỉ số 0,702, thuộc vào hàng những nước có sự phát triển giới trung bình (UNDP, 2006); năm 2006, Việt Nam đứng hàng thứ 91/177 nước với chỉ số là 0,732

vẫn tiếp tục giữ vị trí của nước trung bình (UNDP, 2007-2008); năm 2009, GDI của Việt Nam đạt mức trung bình là 94/182 nước với giá trị là 0,72 (UNIFEM, CEDAW và pháp luật, Hà Nội, 2009). Chỉ số phát triển giới (GDI) của Việt Nam thuộc nhóm nước tốt nhất Đông Nam Á – Thái Bình Dương. Chính phủ có nhiều cố gắng trong việc bổ sung luật pháp gần với CEDAW.

So với nhiều nước trên thế giới, Việt Nam có những chính sách tiến bộ về Giới. Những chính sách này được đề cập trong nhiều bộ luật và hiến pháp, như Hiến pháp năm 1946, Luật Hôn nhân và Gia đình (1959, 1986), Luật Quốc tịch, Bộ luật Lao động, Pháp lệnh Thừa kế và Bộ luật Hình sự. Hiện nay là Luật Bình đẳng giới (2007) và Luật Phòng chống bạo lực gia đình (2008). Bằng luật pháp, Nhà nước đã công nhận quyền bình đẳng nam và nữ ở trong xã hội và gia đình.

Hiến pháp năm 1946 có các điều khoản quan trọng: “Tất cả mọi quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo (Điều 1)”; “Tất cả mọi công dân Việt Nam đều ngang quyền về mọi phương diện chính trị, kinh tế, văn hoá (Điều 6); Đàn bà ngang quyền với đàn ông về mọi phương diện (Điều 9).

Trong Hiến pháp sửa đổi năm 1960, Điều 24 đã khẳng định: “... Cùng việc làm như nhau, phụ nữ được hưởng lương ngang với nam giới. Nhà nước bảo đảm cho phụ nữ công nhân và phụ nữ viên chức được nghỉ trước và sau khi đẻ mà vẫn hưởng nguyên lương. Nhà nước bảo hộ quyền lợi của người mẹ và của trẻ em, bảo đảm phát triển các nhà đỡ đẻ, nhà giữ trẻ và vườn trẻ... Nhà nước bảo hộ hôn nhân và gia đình”.

Luật Bình đẳng Giới

Ngày 29/11/2006, Quốc hội thông qua luật Bình đẳng Giới và luật có hiệu lực thi hành từ ngày 1/7/2007. Luật bao gồm 6 chương, 44 điều, quy định cụ thể về *Mục tiêu bình đẳng giới; Chính sách của Nhà nước; Cơ quan quản lý nhà nước; Các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới; Thanh tra, giám sát và xử lý vi phạm pháp luật về bình đẳng giới; Người thực hiện là cơ quan nhà nước, chính quyền; Các tổ chức chính trị, kinh tế, xã hội, nghề nghiệp; Gia đình; Cá nhân; Các tổ chức và cá nhân nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.*

Mục tiêu của Luật là *xoá bỏ phân biệt đối xử về giới* và xây dựng bình đẳng giới trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình. Đây là khái niệm được coi là nội luật hoá CEDAW. Đặc biệt, Luật đã đưa ra các “Biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới” (Điều 19, Chương 3). Đây là các biện pháp chịu ảnh hưởng của Điều 4 - “Các biện pháp đặc biệt tạm thời” của CEDAW để thực hiện bình đẳng giới thực chất. Lý do đưa ra các biện pháp này được dựa trên cả hai phương diện sinh học và xã hội, xuất phát từ các đặc điểm khác nam giới: phụ nữ phải mang thai, sinh con, chăm sóc con nhỏ...; phụ nữ bị phân biệt đối xử từ hàng ngàn năm theo phong tục tập quán, họ ít có cơ hội học tập, phải lao động nhiều và được thụ hưởng các sản phẩm làm ra ít hơn nam giới. Vì vậy, Nhà nước có chính sách ưu tiên cho phụ nữ trong chăm sóc y tế khi họ có thai, sinh và nuôi con nhỏ, ưu tiên cho phụ nữ đi học, được đề bạt, được tham gia hoạt động xã hội. Luật yêu cầu gia đình, nam giới phải chăm sóc phụ nữ khi họ mang thai và sinh con. Họ phải được ăn uống tốt hơn và làm ít hơn... Đây là các chính sách thực hiện công bằng cho phụ nữ.

Các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới được thực hiện trong một thời gian nhất định và chấm dứt khi mục đích bình đẳng giới đã đạt được. Nhà nước cũng chủ trương lồng ghép Giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật để việc thực thi bình đẳng giới có hiệu quả hơn.

Luật Phòng chống bạo lực gia đình

Tháng 11/2007, Quốc hội thông qua Luật Phòng chống bạo lực gia đình. Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 1/7/2008. Luật bao gồm 6 chương và 46 điều. *Chương 1: Những quy định chung; Chương 2: Phòng ngừa bạo lực gia đình (BLGD); Chương 3: Bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân BLGD; Chương 4: Trách nhiệm của cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức trong phòng chống BLGD; Chương 5: Xử lý vi phạm pháp luật về phòng chống BLGD và khiếu nại, tố cáo; Chương 6: Điều khoản thi hành.*

Lần đầu tiên ở Việt Nam có luật riêng quy định về giáo dục, phòng ngừa và xử phạt một tội ác đã được chế độ phụ quyền che chở từ hàng nghìn năm và coi đó là việc “không quan trọng”, việc “nội bộ của gia đình”, đó là “quyền dạy vợ, con” của người đàn ông. Luật phù hợp với điều 3, phần 1, 5a, 6 và khuyến nghị chung số 19 của CEDAW.

Chính sách bình đẳng giới còn được đề cập trong các luật khác, như Luật Quốc tịch, Luật Dân sự, Bộ luật Lao động, Pháp lệnh Thừa kế và Bộ luật Hình sự và các chính sách cụ thể khác. Bằng luật pháp, Nhà nước đã công nhận quyền bình đẳng nam và nữ trong xã hội và gia đình, đồng thời cam kết tạo cho phụ nữ cơ hội phát triển như nam giới.

c. Những thách thức hay bình đẳng giới hình thức ở Việt Nam

Nói đến khái niệm “phân biệt nam nữ” nhiều người đã nhận ra sự phân biệt này vẫn còn tồn tại dai dẳng và có lúc rất gay gắt. Điều này cho thấy sự tồn tại dai dẳng của tư tưởng và khuôn mẫu của chế độ phụ quyền, thậm chí đã có sự trở lại của chủ nghĩa phụ quyền ở một số nơi. Trên thực tế, việc thực hiện chính sách không đơn giản, vẫn còn tồn tại nhiều dạng bất bình đẳng giới hình thức, nghĩa là luật thì có, nhưng không được thực hiện và phụ nữ vẫn chịu nhiều thiệt thòi.

Trước hết là vấn đề công hiến và hưởng thụ giữa nam và nữ. Giống như phụ nữ của nhiều nước trên thế giới, cường độ lao động, thời gian, hình thức lao động của phụ nữ Việt Nam còn có chênh lệch với nam giới. Các cuộc điều tra xã hội học trên cả hai vùng thành thị và nông thôn đã đưa ra những chỉ báo đáng chú ý: Phụ nữ đã lao động rất vất vả trên cả hai phương diện: xã hội và gia đình. Ngoài xã hội, họ phải lao động giống như nam giới; còn ở nhà, họ phải gánh trách nhiệm chính. Họ được khoác rất nhiều chức năng: làm vợ, làm mẹ, người cấp dưỡng, tiếp phẩm, thủ quỹ, thợ giặt, người lau dọn nhà cửa, người trông trẻ, cô giáo, thầy thuốc gia đình... Những công việc tất bật từ sáng sớm đến đêm khuya đã hút kiệt sức lực và thời gian của phụ nữ, khiến họ còn rất ít hoặc không có thời gian để nghỉ ngơi, hưởng thụ văn hoá. Điều này làm sự cách biệt giữa nam và nữ càng tăng lên.

Hiện nay vẫn còn tồn tại những khoảng cách (đôi khi còn khá xa) giữa luật pháp và thực tế. Theo một báo cáo của Ban Tuyên

giáo thuộc Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam năm 1998, thì trong hơn 10 năm thực hiện Luật Hôn nhân và gia đình (Luật sửa đổi năm 1986), có nhiều điều luật gần như không được áp dụng trên thực tế. Đến nay, việc thực hiện luật ở Việt Nam vẫn gặp rất nhiều khó khăn khi mà tư tưởng: “Sống và làm việc theo pháp luật” vẫn chưa được người dân thi hành nghiêm túc. Chẳng hạn, quyền về đất đai của phụ nữ và trẻ em sau ly hôn ở nhiều nơi cũng chưa được bảo vệ. Tình trạng bạo lực gia đình, buôn bán phụ nữ và trẻ em đã xâm hại thân thể, nhân phẩm, quyền lợi, tính mạng của phụ nữ và trẻ em, nhưng chưa được ngăn chặn kịp thời. Tình hình trên đã gây rất nhiều khó khăn cho phụ nữ và cải thiện cuộc sống của phụ nữ trên cơ sở công bằng. Bên cạnh đó, sự phục hồi một số tập tục lạc hậu đã thách thức pháp luật và dư luận tiến bộ. Từ những việc nhỏ như “ra ngõ gặp gái” đến các việc lớn như tảo hôn, thách cưới, khát con trai, lấy vợ lẽ chui, sinh hoạt họ tộc theo kiểu vai vế, khắt khe, phân biệt nam nữ ... vẫn khá phổ biến trong xã hội. Đã có nhiều phụ nữ chỉ vì một sự “vi phạm” đối với những gì được coi là quy chuẩn trong gia đình, đã bị bêu xấu, sỉ nhục trước hàng xóm, cộng đồng. Ngày nay, mặc dù bị pháp luật ngăn cấm nghiêm ngặt, nhưng ở một vài nơi, gia đình chồng vẫn còn xử lý những phụ nữ bị nghi ngờ ngoại tình bằng cách cạo đầu, bôi vôi, lột quần áo và dắt ra ngoài đường bêu xấu cho mọi người biết. Ở một số nơi, vẫn có hiện tượng nạo thai bé gái, đã làm mất cân bằng giới tính và đe dọa sự bình ổn xã hội trong những thập kỷ tới.

Về chính sách, vẫn còn tồn tại những mặt thiếu công bằng về giới. Chẳng hạn, chính sách phụ nữ về hưu năm 55 tuổi, còn nam giới 60 tuổi. Chính sách này đã làm

hạn chế các đóng góp và đề bạt đối với phụ nữ trí thức, viên chức, phụ nữ tham gia công tác chính trị. Đội ngũ cán bộ khoa học nữ vì thế đã nhỏ bé so với nam giới lại càng không có điều kiện phát triển.

Hiện nay, theo nhận xét của các nhà nghiên cứu và hoạt động xã hội, thì bộ máy hoạt động vì bình đẳng giới còn yếu và thiếu, khiến các hoạt động chưa có hiệu quả cao. Nhiều nghiên cứu tốt về giới chưa được sử dụng vào việc lập chính sách. Các tổ chức phi chính phủ (NGO) hoạt động vì bình đẳng giới của họ chưa được quan tâm đúng mức. Chính những yếu tố này đã làm cản trở việc thực hiện bình đẳng giới thực chất ở Việt Nam.

Luật pháp về bình đẳng giới của Nhà nước ta là rõ ràng. Nhưng để bình đẳng giới không trở thành hình thức, mà là thực chất trong xã hội và đời sống thường ngày của người dân, đòi hỏi việc giáo dục và thực thi pháp luật một cách thường xuyên, nghiêm túc.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ kế hoạch và đầu tư - Tổng cục thống kê; Liên hợp quốc; Quỹ mục tiêu phát triển thiên niên kỷ - Số liệu thống kê giới ở Việt Nam 2000-2010, Hà Nội, tháng 3/2012.
2. Công ước về Xóa bỏ tất cả các hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ (The Convention on the Elimination of All Forms of Discrimination Against Women), Nxb. Phụ nữ, Hà Nội, 2004.
3. Điều tra xã hội học về gia đình trong đề tài “*Vấn đề gia đình trong phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội ở nước ta trong thời kỳ Đổi mới*”, mã số KX. 02/06-10 của Trung tâm nghiên cứu Giới và Phát triển, 2010.
4. Lê Thị Quý, 2010. Giáo trình *Xã hội học Giới*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
5. UNIFEM, CEDAW và pháp luật, Nghiên cứu rà soát văn bản pháp luật Việt Nam trên cơ sở quyền và giới qua lăng kính CEDAW, Hà Nội, 2009.

